



Phụ lục

**BIỂU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH, PHÂN ĐỊNH VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP
ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Biểu rà soát xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
Mẫu số 02	Biểu rà soát xác định xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
Mẫu số 03	Biểu rà soát xác định tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
Mẫu số 04	Biểu rà soát phân định thôn đặc biệt khó khăn.
Mẫu số 05	Biểu rà soát phân định xã theo trình độ phát triển (xã khu vực I, II, III).
Mẫu số 06	Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn.
Mẫu số 07	Danh sách xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III.

Ghi chú:

1. Những từ viết tắt:

a) Dân tộc thiểu số, viết tắt là: DTTS;

b) Miền núi, viết tắt là: MN;

c) Dân tộc thiểu số và miền núi, viết tắt là: DTTS&MN;

d) Đặc biệt khó khăn, viết tắt là: ĐBK.

2. Biểu số 01; 02, 04, 05 dùng chung cho cả cấp xã và cấp tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN

BIỂU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Báo cáo số / ngày tháng năm)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN

BIỂU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Báo cáo số / ngày tháng năm)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ

BIỂU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH TÌNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Báo cáo số / ngày tháng năm)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN

BIỂU RÀ SOÁT PHÂN ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
 (Kèm theo Báo cáo số / ngày tháng năm)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
	Tổng cộng								
I	Xã A								
1		Thôn (tổ dân phố...) A							
2		Thôn (tổ dân phố...) B							
....									
II	Xã B								
1		Thôn (tổ dân phố...) A							
2		Thôn (tổ dân phố...) B							
....									

ỦY BAN NHÂN DÂN

BIỂU RÀ SOÁT PHÂN ĐỊNH XÃ THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN (XÃ KHU VỰC I, II, III)
(Kèm theo Báo cáo số / ngày tháng năm)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tiêu chí phân định xã theo trình độ phát triển												Số tiêu chí đáp ứng theo phân loại xã	Phân loại	
		1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12	Tỷ lệ thôn ĐBKK của xã (%)	Xếp loại xã khu vực I,II,III
						5.1	5.2									
	Tổng cộng															
1	Xã A															
2	Xã B															
3	Xã C															

Ghi chú: Tiêu chí tương ứng

- | | |
|---|---|
| <p>1. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đ/năm)</p> <p>2. Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)</p> <p>3. Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)</p> <p>4. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)</p> <p>5. 5.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)</p> <p>5.2. Tỷ lệ đường xuống cấp nghiêm trọng (%)</p> <p>6. Y tế xã chưa đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn đến năm 2030</p> | <p>7. Tỷ lệ số trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 1 (%)</p> <p>8. Chưa có hoặc có nhà ở nội trú cho học sinh nhưng chưa đáp ứng đủ chỗ ở của học sinh (%)</p> <p>9. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (%)</p> <p>10. Chưa có TT Văn hóa - Thể thao cấp xã hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã chưa đạt chuẩn</p> <p>11. Tỷ lệ thôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định dưới 95%</p> <p>12. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh (%)</p> |
|---|---|

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

**DANH SÁCH THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI,
THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm).

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
	Tổng cộng				
I	Xã A				
1		Thôn (tổ dân phố...) A			
2		Thôn (tổ dân phố...) B			
....					
II	Xã B				
1		Thôn (tổ dân phố...) A			
2		Thôn (tổ dân phố...) B			
.....		Thôn (tổ dân phố...) C			
		Thôn (tổ dân phố...) D			
		Thôn (tổ dân phố...) E			
III	Xã C				
1		Thôn (tổ dân phố...) A			
2		Thôn (tổ dân phố...) B			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

**DANH SÁCH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI,
XÃ KHU VỰC I, II, III**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Xã thuộc khu vực I,II,III	Số thôn DTTS&MN	
		DTTS	MN		Tổng số thôn	Số thôn ĐBKK
I	Tổng cộng:					
	Thôn vùng DTTS&MN nằm ngoài xã khu vực I, II, III					
	Xã khu vực I					
	Xã khu vực II					
	Xã khu vực III					
II	Chi tiết					
1	Xã A					
2	Xã B					
3	Xã C					
4	Xã D					